

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-06-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Lài

Bà Lê Thị Kim Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé L, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Tổ 02, ấp Thành T, xã Thành L, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Tổ 13, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30-12-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Phan Thị Bé L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thành S tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Vĩnh, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng không tin tưởng ghen tuông mù quáng, xúc phạm đến nhân phẩm của chị nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Năm 2021, vợ chồng chị sống

ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 05-9-2015 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 4-11-2019. Chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu H và N sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn, anh Nguyễn Thành S trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp. Nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 05-9-2015 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 4-11-2019. Anh yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu 02 cháu H và N sau khi ly hôn. Anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Chị L yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S đồng ý ly hôn đối với chị L, do đó ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị L, anh S.

Chị L, anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 05-9-2015 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 4-11-2019, xét thấy 02 con chung là con gái, còn nhỏ, chị L có thu nhập ổn định và qua xác minh điều kiện gia đình anh S không đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên cần giao 02 con chung cho chị L, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có, không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Thành S và chị Phan Thị Bé L chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Vĩnh, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân

giữa anh S và chị L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì ly thân cho đến nay. Xét thấy, chị L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn đối với anh S, quá trình giải quyết vụ án anh S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị là phù hợp

[2] Về con chung: Anh S, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 05-9-2015 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 4-11-2019 hiện do anh S chăm sóc nuôi dưỡng, xét yêu cầu nuôi con chung của anh S, chị L thì thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh S cho rằng anh là công nhân lò gạch, thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, khi đi làm anh gửi con cho bà nội chăm sóc, tuy nhiên qua xác minh (bút lục 26, 33) thì mẹ anh S vẫn đi làm lò gạch và thỉnh thoảng anh phải đưa 02 đến lò gạch để làm việc là không đảm bảo môi trường phát triển toàn diện cho các cháu. Hơn nữa tại tòa, anh S cho rằng cháu H đã đi học nhưng không đạt thành tích tốt.

Xét về điều kiện nuôi con của chị L thì thấy rằng hiện chị L là công nhân may, có thu nhập ổn định để chăm lo cho con, cháu N và cháu H là bé gái tuổi còn rất nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo từ mẹ nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu N và cháu H, Hội đồng xét thấy cần giao cháu 02 cháu cho chị L trông nom chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị L tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Bé L chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của chị Phan Thị Bé L với anh Nguyễn Thành S.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bé L và anh Nguyễn Thành S được ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thành S có trách nhiệm giao con chung cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08-11-2019 và cháu Nguyễn Thị H sinh ngày 08-8-

2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành S có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung : Chị L, anh S trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về án phí: Chị Phan Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lượm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017053 ngày 07-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Phượng